

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH LIÊM
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2020/HS-ST
Ngày: 05 - 8 - 2020.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH LIÊM - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Cảnh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Hiếu;
2. Bà Vũ Thị Duyên.

- Thư ký phiên tòa: bà Hoàng Thị Vân Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: bà Dương Thị Kim Thơm và ông Vũ Đình Tường - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 41/2020/TLST-HS ngày 04 tháng 6 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2020/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2020 và Quyết hoãn phiên tòa số 08/2020/HSST-QĐ ngày 22 tháng 7 năm 2020 đối với bị cáo:

Lê Đình C - sinh năm 1973; nơi cư trú: thôn N, xã TL (nay là tổ dân phố N, thị trấn TT), huyện TL, tỉnh Hà Nam; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Đình L (đã chết) và bà Hoàng Thị Ng; vợ: Nguyễn Thị Th; con: có 02 con, lớn sinh năm 1995, nhỏ sinh năm 2000; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị bắt theo Lệnh bắt bị can để tạm giam của Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Liêm từ ngày 27/9/2019, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam; có mặt tại phiên tòa.

Người bào chữa cho bị cáo: ông Đỗ Hữu Đĩnh và bà Nguyễn Thanh Tú - Luật sư Công ty Luật trách nhiệm hữu hạn Việt Kim - thuộc Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội; phiên tòa có mặt bà Tú, ông Đĩnh vắng mặt.

- Bị hại: ông Nguyễn Văn Đ - sinh năm 1964; nơi cư trú: thôn N, xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: anh Nguyễn Thiện Đ1 - sinh năm 1992; nơi cư trú: thôn N, xã LT, huyện TL, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

- Người làm chứng:

+ Ông Nguyễn Chí T - sinh năm 1959 (đã chết).

+ Ông Đỗ Văn V - sinh năm 1962; vắng mặt.

+ Anh Đỗ Đức N - sinh năm 1973; có mặt.

+ Chị Nguyễn Thị Th - sinh năm 1972; có mặt.

+ Ông Vũ Minh T1 - sinh năm 1956; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng tháng 10/2017, Lê Đình C (lúc này là cán bộ Hội chữ thập đỏ huyện Thanh Liêm), đến nhà ông Nguyễn Chí T chơi. Trong quá trình nói chuyện C nói với ông T “*Có đưa nào thi công chức không, em có một suất thi công chức đảm bảo là đỗ*” (lúc này có anh Nguyễn Thiện Đ là con ông Nguyễn Văn Đ, đang học kế toán tại nhà ông T). Biết anh Đ đang có nhu cầu xin việc nên khi nghe thấy C nói vậy ông T bảo anh Đ “*Về bảo bố nghiên cứu, có gì thì gặp trực tiếp chú C*”. Sau đó ông T gọi điện nói chuyện với ông Đ về việc “*có C con ông L nhà ở Cầu N, xã TL, huyện TL, tỉnh Hà Nam có một suất công chức ưu tiên xem mà lo cho cháu, nếu có nhu cầu lo cho Đ thì gặp trực tiếp C*”. Sau đó khoảng 09 giờ sáng một ngày trong tháng 10/2017 (ông Đ và C không nhớ ngày cụ thể) C chủ động đến nhà ông Đ và đặt vấn đề lo cho con trai ông Đ thi đỗ công chức vào Cục dự trữ Quốc gia khu vực Hà Nam Ninh. Sau khi trao đổi xong ông Đ đã tin tưởng C có thể lo công chức cho con trai mình nên ông Đ đã đưa cho C số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) nhưng chưa viết giấy biên nhận. Mấy ngày sau, C đưa cho anh Đ thông báo về việc đăng ký dự thi công chức vào Cục dự trữ Quốc gia khu vực Hà Nam Ninh có địa chỉ ở thành phố Nam Định và bảo anh Đ làm hồ sơ đăng ký dự thi theo địa chỉ ghi trong tờ giấy thông báo và bảo Đ cứ thi đi đã có C lo. Sau đó anh Đ tự làm hồ sơ và tự xuống thành phố Nam Định nộp hồ sơ. Đến ngày 19/12/2017 tại phòng ngủ tầng 2 nhà ông Đ, ông Đ đưa cho C số tiền 170.000.000đ (một trăm bảy mươi triệu đồng) và tự viết giấy biên nhận với nội dung: “*Tôi Nguyễn Văn Đ...có nhờ chú Lê Đình C địa chỉ: Cầu N, TL, TL, Hà nam lo công việc công chức cho con tôi là Nguyễn Thiện Đ lệ phí hoàn thành công việc là 400.000.000 đồng ban đầu ứng trước cho chú C 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) số còn lại 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) sau 20 ngày giao đủ cho chú C, sau khi hết thời hạn kết thúc kỳ thi tuyển công chức tháng 12/2017 dương lịch nếu kết quả không đạt thì chú C hoàn trả lại số tiền đủ 400.000.000 đồng (Bốn trăm triệu đồng) không tính bất kỳ một khoản lệ phí nào cho ông Nguyễn Văn Đ nếu sai hạn ông Đ sẽ tố*

cáo ông Lê Đình C trước pháp luật”, ông Đ viết xong đưa cho C, C đã ký xác nhận phía dưới và ghi Lê Đình C.

Sau đó đến khoảng 10 giờ 30 phút ngày 04/01/2018 (tức ngày 18/11/2017 âm lịch), C đến nhà ông Đ, cũng tại phòng ngủ trên tầng hai, ông Đ đã lấy tiếp 130.000.000đ (một trăm ba mươi triệu đồng) đưa cho C, ông Đ tự viết tiếp vào tờ giấy biên nhận trên với nội dung: “Ngày 18/11/2017 đưa tiếp cho chú C 130.000.000 đồng (một trăm ba mươi triệu đồng)” rồi đưa cho C ký nhận phía dưới. Đến khoảng 10 giờ ngày 08/01/2018 (tức ngày 22/11/2017 âm lịch), C tiếp tục đến nhà ông Đ lấy 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng). Sau khi đưa tiền, ông Đ đã viết tiếp vào tờ giấy biên nhận với nội dung: “Ngày 22/11/2017 đưa cho chú Lê Đình C 70.000.000 đ (bảy mươi triệu đồng) tổng đến 22/11/2017 đưa đủ 400.000.000 (bốn trăm triệu đồng)” rồi đưa cho C, C đã ký và ghi chữ Lê Đình C vào giấy biên nhận.

Sau khi có thông báo về kết quả thi tuyển công chức của Cục dự trữ Nhà nước khu vực Hà Nam Ninh, do điểm thi không đạt nên anh Nguyễn Thiện Đ không trúng tuyển. Đến ngày 06/5/2018, C tiếp tục đến nhà ông Đ bảo ông Đ đưa tiếp cho C 50.000.000 đồng để C lo phúc khảo bài thi cho anh Đ thì ông Đ đồng ý nhưng chưa đưa tiền. Ngày 07/5/2018, C đến nhà ông Đ và lên phòng ngủ tầng 2 nhà ông Đ, tại đây ông Đ đưa cho C 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng), C bảo ông Đ bỏ tiền vào phong bì, thấy vậy ông Đ gọi anh Đ và nói “Mang cho bố cái phong bì”. Anh Đ đã lấy 01 vỏ phong bì mang lên cho ông Đ, ông Đ bỏ 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) vào phong bì, đưa cho C rồi viết giấy biên nhận với nội dung “Hôm nay ngày 7/5/2018 tôi Nguyễn Văn Đ đưa thêm cho chú Lê Đình C địa chỉ Cầu N, TL, TL, Hà Nam số tiền là 50.000.000 đ, để lo công việc cho cháu Đ” C đã ký nhận vào giấy và viết dòng chữ Lê Đình C. Sau khi có được số tiền của ông Đ, C đã sử dụng vào việc trả nợ cá nhân hết.

Do không thấy C lo được công việc cho con trai mình, ông Đ đã nhiều lần gặp, gọi điện thoại cho C để đòi lại số tiền ông Đ đã đưa cho C nên trong các ngày 16/10/2018, 23/11/2018, 13/12/2018 C xuống nhà ông Đ và trả ông Đ số tiền lần lượt là 20.000.000 đồng, 11.000.000 đồng, 28.000.000 đồng (tổng cộng 59.000.000 đồng). Sau đó đến ngày 30 tết âm lịch ông Đ tiếp tục lên nhà C để đòi tiền thì C nói “Em có chiếc xe Kia Morning em gán lại cho anh trị giá chiếc xe là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) nhưng xe vẫn sửa ở Gara xe không để ở nhà, Đăng ký xe ô tô hiện tại bên bảo hiểm đang giữ” sau đó C tự mình viết giấy biên nhận đề ngày 02/02/2019 với nội dung: “Tên tôi là: Lê Đình C, địa chỉ Cầu N, TL, TL, Hà Nam. Trong năm 2018 tôi có nhận của anh Nguyễn Văn Đ - thôn N, xã Liêm Thuận tổng số tiền 400.000.000 đồng (bốn trăm triệu đồng) để lo việc “công chức viên” cho Đ là con trai anh Đ. Nay tôi chưa kịp lo trả anh được. Tôi xin viết giấy bán chiếc xe ô tô hãng Kia biển kiểm soát 90D-00... mang tên Lê Đình C (có gửi kèm bản photo kèm theo) lý do chưa giao xe được cho anh Đ là vì xe tôi đang trong quá trình sửa chữa ở gara do bảo hiểm làm thủ tục chi trả theo quy định của người tham gia bảo hiểm. Hẹn anh Đ ra ngoài tết xe sửa xong và bảo hiểm thanh toán xong tôi lấy xe ra và làm

thủ tục sang tên đổi chủ cho anh Đ để trả và trừ bớt số tiền tôi đã nhận của anh Đ. Nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật và lúc đó anh Đ có quyền khởi kiện tôi ra pháp luật (giá trị xe chuyển nhượng là 200.000.000 (Hai trăm triệu))” phần cuối của giấy biên nhận có ghi Liêm Thuận ngày 02/02/2019, người viết giấy và có chữ ký và dòng chữ Lê Đình C. Sau đó C đưa cho ông Đ 01 bản sao chứng minh nhân dân mang tên Lê Đình C; 01 giấy biên nhận thể chấp xe ô tô BKS 90D - 00... giữa Lê Đình C và Ngân hàng thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam chi nhánh Hưng Yên đề ngày 15/01/2019. Đến một ngày trong tháng 2/2019 C trả tiếp cho ông Đ số tiền 20.000.000 đồng.

Đến ngày 22/5/2019, ông Đ viết đơn tố cáo Lê Đình C gửi cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Liêm và tự nguyện giao nộp 01 giấy biên nhận đề ngày 07/5/2018; 01 giấy biên nhận có chữ ký của người giao tiền và nhận tiền các ngày 18,22/11/2017 và ngày 19/12/2017; 01 giấy biên nhận ngày 02/2/2019; 01 giấy biên nhận thể chấp ngày 15/01/2019; 01 bản sao chứng minh nhân dân mang tên Lê Đình C; 01 USB nhãn hiệu Kingston có dung lượng 8GB, theo ông Đ USB chứa nội dung ghi âm các lần C nhận tiền và ghi hình ảnh C nhận tiền ngày 07/5/2018 do ông sao từ ghi âm và sao hình ảnh từ điện thoại sang.

Ngày 12/8/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Liêm đã ra Quyết định trưng cầu Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam giám định chữ ký và chữ viết trên các giấy biên nhận đã thu giữ ký hiệu A1, A2, A3 và mẫu chữ ký, chữ viết của Lê Đình C ký hiệu từ M1 đến M8

Tại bản kết luận giám định số 25/KL- PC09 ngày 25/8/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Nam kết luận:

“Chữ ký mang tên Lê Đình C trên tài liệu cần giám định ký hiệu A2 và A3 so với chữ ký của Lê Đình C trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8 do cùng một người ký ra.

Chữ viết trên tài liệu cần giám định ký hiệu A3 so với chữ viết của Lê Đình C trên tài liệu mẫu ký hiệu M4 do cùng một người viết ra.

Không đủ cơ sở kết luận chữ ký tại mục “Người nhận tiền” trên tài liệu cần giám định ký hiệu A1 so với chữ ký của Lê Đình C trên tài liệu mẫu ký hiệu M1 đến M8 có phải do cùng một người ký ra hay không?”

Sau khi ông Đ làm đơn tố cáo, Lê Đình C đã trả lại số tiền còn lại cho ông Đ, ban đầu C khai nhận trả số tiền mà C đã nhận để lo việc công chức cho con trai ông Đ là anh Nguyễn Thiện Đ . Sau đó C thay đổi lời khai cho rằng số tiền 450.000.000 đồng là số tiền C vay của ông Đ.

Ngày 25/9/2019, Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Liêm tiếp nhận 01 đơn cung cấp chứng cứ và trình bày ý kiến pháp lý đề ngày 23/9/2019; 01 giấy vay tiền đề ngày 18/10/2017 có nội dung thể hiện C vay của ông Đ nhiều lần vào các ngày 18/10/2017, 18/11/2017, 22/11/2017 với tổng số tiền là 400.000.000 đồng; 01 đơn trình bày vụ việc của Lê Đình C đề ngày 20/9/2019; 01 giấy đề ngày 16/10/2018 có nội dung *“tôi Nguyễn Văn Đ đã nhận của chủ C*

20.000.000 đồng”, “hôm nay ngày 23/11/2018 tôi Nguyễn Thiện Đ đã nhận của chú C 11.000.000 đồng”, “ngày 13/12 chú C trả 28.000.000 đồng”; 01 giấy đề ngày 26/2/2019 có nội dung “nhận tiếp của chú C 20.000.000 đồng”; 01 giấy đề ngày 07/6/2019 có nội dung “tôi Nguyễn Văn Đ đã nhận của chú C 271.000.000 đồng”; 01 giấy thanh toán công nợ có nội dung “Hôm nay ngày 02/6/2019...tôi Lê Đình C có nợ ông Nguyễn Văn Đ...tổng số tiền là 450.000.000 đồng đợt 1 đã trả 79.000.000 đồng, đợt 2 tôi đã trả 100.000.000 đồng...còn lại 271.000.000 đồng...tôi lo trả tiếp” phần cuối của giấy có ghi người trả Lê Đình C do Luật sư Đỗ Hữu Đĩnh - Giám đốc Công ty Luật TNHH Việt Kim thuộc đoàn luật sư Hà Nội giao nộp.

Quá trình điều tra ông Đ xác định: khoảng 10 giờ, ngày 24/9/2019, Lê Đình C đã gọi điện thoại từ số thuê bao 0982145... đến số điện thoại thuê bao của ông Đ, hẹn ông Đ đến nhà em rể C là ông Đỗ Đức N - sinh năm 1973 ở thôn N, xã TL, huyện TL để nói chuyện về việc trước đây C đã nhận của ông Đ số tiền 400.000.000 đồng để lo thi công chức cho con trai ông Đ. Theo lời khai của ông Đ lúc đó tại nhà ông N có C, ông N, vợ C là chị Nguyễn Thị Th; ông Đỗ Văn V -sinh năm 1962, trú tại tổ dân phố N, thị trấn TT, huyện TL và ông Vũ Minh T1 - sinh năm 1956, trú tại thôn Lê Mỹ, xã Liêm Sơn, huyện TL, tỉnh Hà Nam, tại đây C đã đưa ra 01 tờ giấy có tiêu đề “Giấy thanh toán công nợ”, đề ngày 02/6/2019 và 02 giấy có tiêu đề “Giấy vay tiền” đề ngày 18/10/2017, Lê Đình C vay của ông Đ số tiền là 130.000.000 đồng và 70.000.000 đồng. Tổng số tiền Lê Đình C vay của ông Đ là 400.000.000 đồng, rồi C và những người trên bảo ông Đ ký vào các tờ giấy đó nhằm giảm nhẹ tội cho C, ngoài ra C nói “*Nếu em nặng tội thì bác cũng có tội*”. Khi nghe thấy C và những người ở đó nói, mặc dù ông Đ biết nội dung 03 tờ giấy nêu trên là không đúng sự thật, song do lo sợ nên ông Đ vẫn ký vào các tờ giấy đó cho C và ông Đ đã dùng điện thoại di động “OPPO” A71K CPH1801 ghi âm lại nội dung trao đổi ngày 24/9/2019 tại gia đình nhà ông N. Ông Đ tự nguyện giao nộp tài liệu liên quan cho Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện Thanh Liêm.

Cơ quan Cảnh sát Điều tra - Công an huyện Thanh Liêm đã tiến hành lấy lời khai của ông N, chị Th, ông T1, ông V nhưng những người này đều không thừa nhận những nội dung trên, bản thân C cũng không thừa nhận nội dung này.

Ngày 27/9/2019 Cơ quan CSĐT - Công an huyện Thanh Liêm tiến hành khám xét nơi ở của Lê Đình C song không thu giữ đồ vật tài sản gì liên quan đến vụ án.

Ngày 02/12/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện Thanh Liêm đã ra Quyết định trưng cầu Viện khoa học hình sự Bộ Công an giám định âm thanh, hình ảnh đối với tài liệu của ông Đ đã cung cấp với âm thanh, hình ảnh của Lê Đình C và của ông Nguyễn Văn Đ.

Tại bản kết luận giám định số 7212/C09(P6) ngày 16/01/2020 của Viện khoa học hình sự Bộ Công an kết luận:

- Không phát hiện dấu hiệu cắt ghép nội dung trong mẫu cần giám định.

- Tiếng nói của người nói giọng nam (ký hiệu “Đ” trong bản dịch nội dung mẫu cần giám định) trong mẫu cần giám định và tiếng nói của ông Nguyễn Văn Đ trong mẫu so sánh là của cùng một người nói.

- Tiếng nói của người nói giọng nam xưng “em” (ký hiệu “C” trong bản dịch nội dung mẫu cần giám định) và tiếng nói của Lê Đình C trong mẫu cần so sánh là của cùng một người nói.

- Trong file video gửi giám định có xuất hiện hình ảnh người đàn ông giống với hình ảnh đối tượng Lê Đình C trong mẫu so sánh với tỷ lệ giống nhau là 85%

- Nội dung hội thoại trong mẫu cần giám định đã được chuyển thành văn bản.

Tại bản cáo trạng số 42/CT-VKSTL ngày 02/6/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm đã truy tố Lê Đình C về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự.

*** Tại phiên tòa:**

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Liêm giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, không có ý kiến bổ sung hoặc thay đổi gì. Sau khi phân tích tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nhân thân của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lê Đình C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 50; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự - Xử phạt Lê Đình C từ 05 năm đến 06 năm tù; miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: ông Nguyễn Văn Đ nhận đủ số tiền 450.000.000 đồng, ông Đ không có yêu cầu, đề nghị gì khác, nên không đề nghị xem xét giải quyết. Buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định, đồng thời đề xuất hướng xử lý vật chứng cụ thể: Lưu tại hồ sơ các giấy tờ do ông Nguyễn Văn Đ giao nộp và các giấy tờ do luật sư Đỗ Hữu Đình giao nộp được lưu tại hồ sơ vụ án; 01 USB nhãn hiệu Kingston, 02 đĩa DVD ghi âm ghi hình. Trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại OPPO A71K CPH 1801.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Đình C là Luật sư Tú có ý kiến: nhất trí với tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát đã truy tố đối với bị cáo, nhất trí với các tình tiết giảm nhẹ mà Viện kiểm sát đã nêu. Đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng là phạm tội từ hai lần trở lên và xử phạt bị cáo mức án từ 04 năm đến 05 năm tù.

Bị cáo đã thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản cáo trạng đã mô tả và tỏ ra ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình, đồng thời xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về đoàn tụ cùng gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra, ban đầu Lê Đình C thừa nhận hành vi nhận tiền của ông Đ để lo cho con trai ông Nguyễn Văn Đ là anh Nguyễn Thiện Đ thi đỗ công chức vào Cục dự trữ Nhà nước khu vực Hà Nam Ninh và đã nhận của ông Đ số tiền 400.000.000 đồng thể hiện tại các giấy biên nhận. Sau khi có thông báo về kết quả thi tuyển công chức của Cục dự trữ Nhà nước khu vực Hà Nam Ninh, anh Nguyễn Thiện Đ không trúng tuyển do điểm thi không đạt. C tiếp tục đến nhà ông Đ bảo ông Đ đưa 50.000.000 đồng để C lo phúc khảo bài thi cho Đ. Sau đó, C thay đổi lời khai cho rằng số tiền 450.000.000 đồng ông Đ đưa cho C là số tiền C vay của ông Đ. Tuy nhiên tại phiên tòa bị cáo Lê Đình C đã thay đổi lời khai, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của các bị cáo được thẩm tra tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng, vật chứng thu giữ; kết quả giám định; kết quả đối chất và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Do cần tiền trả nợ cá nhân, vào khoảng tháng 10/2017, Lê Đình C đã đưa ra thông tin gian dối là có một xuất ưu tiên tuyển công chức vào Cục dự trữ Nhà nước khu vực Hà Nam Ninh, C đã thỏa thuận với ông Đ về việc lo cho con trai ông Đ là anh Nguyễn Thiện Đ thi đỗ công chức với số tiền 400.000.000đ. Sau đó C đã nhiều lần nhận tiền của ông Đ, tính đến ngày 08/01/2018 C đã nhận của ông Đ tổng số tiền là 400.000.000 đồng. Sau khi có kết quả thi công chức thì anh Đ không đỗ, ngày 06/5/2018 C tiếp tục trao đổi với ông Đ về việc lo phúc khảo cho anh Đ với chi phí là 50.000.000 đồng. Ngày 07/5/2018, C nhận của ông Đ 50.000.000 đồng. Như vậy C đã hứa hẹn và nhận tổng số tiền 450.000.000 đồng của ông Nguyễn Văn Đ để lo thi đỗ công chức và lo phúc khảo bài thi cho con trai ông Đ là anh Nguyễn Thiện Đ để anh Đ đỗ vào Cục dự trữ Nhà nước khu vực Hà Nam Ninh, sau đó C đã sử dụng vào việc trả nợ cá nhân hết.

Hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự. Quan điểm truy tố của Viện kiểm sát là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo đã dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt sản của người khác. Hành vi đó đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương. Tài sản mà bị cáo chiếm

đoạt có giá trị từ 200.000.000 đồng đến dưới 500.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy cần ra bản án nghiêm khắc tương xứng hành vi phạm tội của bị cáo.

Về nhân thân: bị cáo là người có nhân thân tốt.

Về tình tiết tăng nặng: bị cáo phải chịu một tình tiết tăng nặng là phạm tội hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra ban đầu Lê Đình C thừa nhận hành vi phạm tội sau đó C đã thay đổi lời khai không thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân mình. Tuy nhiên tại phiên tòa hôm nay bị cáo C đã thành khẩn khai báo và tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Trước khi bị ông Đ tố cáo cũng như tại giai đoạn điều tra, bị cáo C đã trả lại số tiền 450.000.000 đồng cho ông Đ, nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là tự nguyện bồi thường, khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự. Trong quá trình công tác nhiều năm liền bị cáo được Chủ tịch UBND huyện Thanh Liêm tặng danh hiệu chiến sĩ thi đua cơ sở (năm 2007, 2008; từ năm 2010 đến năm 2015) và được Ban chấp hành trung ương Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tặng thưởng Huy chương vì Thế hệ trẻ nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm v khoản 1 Điều 51 BLHS. Mặt khác, bị cáo có bố đẻ là ông Lê Đình L, bố vợ là ông Nguyễn Văn H tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhất, bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Qua phân tích đánh giá về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo; Hội đồng xét xử xét thấy cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân lương thiện và phòng ngừa chung trong cộng đồng. Tuy nhiên bị cáo được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự, nên Hội đồng xét xử quyết định một mức hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt đối với bị cáo theo quy định tại Điều 54 của Bộ luật hình sự như đề nghị của Viện kiểm sát là hoàn toàn phù hợp pháp luật. Điều này thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội lần đầu biết ăn năn, hối cải.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo là lao động tự do không có thu nhập ổn định, có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Việc người bào chữa đề nghị Hội đồng xét xử không áp dụng tình tiết tăng nặng đối với bị cáo là phạm tội từ hai lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 điều 52 của Bộ luật Hình sự là không có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Ông Nguyễn Văn Đ nhận đủ số tiền 450.000.000 đồng và không có yêu cầu, đề nghị gì, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Đối với các giấy tờ do ông Nguyễn Văn Đ giao nộp và các giấy tờ do luật sư Đỗ Hữu Đĩnh giao nộp lưu hồ sơ vụ án; 01 USB nhãn hiệu Kingston, 02 đĩa DVD ghi âm ghi hình là tài liệu liên quan đến vụ án, nên cần lưu giữ tại hồ sơ vụ án.

- Đối với 01 điện thoại OPPO A71K CPH 1801 là tài sản hợp pháp của ông Nguyễn Văn Đ không liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo C, nên cần trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ.

[7] Về án phí: bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 174; điểm b, s, v khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54; Điều 38 của Bộ luật Hình sự; các điều 106, 136, 329, 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

1. Tuyên bố: Bị cáo Lê Đình C phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt bị cáo Lê Đình C 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ 27/9/2019.

3. Về xử lý vật chứng:

- Lưu tại hồ sơ vụ án 01 USB nhãn hiệu Kingston, 02 đĩa DVD ghi âm.

- Trả lại cho ông Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại OPPO A71K CPH 1801.

(Chi tiết vật chứng như trong Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 04/6/2020 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Liêm với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Liêm).

4. Án phí: Buộc bị cáo Lê Đình C phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Thanh Liêm;
- Công an huyện Thanh Liêm;
- Chi cục THA DS huyện Thanh Liêm;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Cảnh